

LỜI BÀN CỦA GIÁO DÂN KHÁT KHAO CHÂN LÝ

Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện như mọi thư viện khác cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn.

Xin thưa Thư viện **Lời Chúa** không thể đồng hóa với thư viện **lời người đời** vì thư viện Lời Chúa là lời hằng sống phải chuyển tải chân lý tinh tuyền để cứu nhân độ thế. Nếu cũng như thư viện đời thường thì không được tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa.

BÀN LUẬN NGẮN

Vấn đề được nêu ra có thể tóm lại như sau:

Tiền đề 1: Thánh Kinh được gọi là “thư viện Lời Chúa”.

Tiền đề 2: Các thư viện lời người đời có khác biệt, có mâu thuẫn.

Kết luận: Nếu Thánh Kinh có khác biệt, có mâu thuẫn như thư viện lời người thì không được tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa.

Dễ thấy rằng lời bàn này ‘lộn tùng phèo’ vì:

Tam đoạn luận này lỗi vì tiền đề 2 mơ hồ, không phải là quy luật, dẫn đến kết luận sai. Nói cách khác, kết luận không xuất phát từ tiền đề.

Có hai khái niệm bị dùng theo kiểu ‘mập mờ đánh lộn con đen’: ‘Thư viện’ Thánh Kinh từ nghĩa bóng thành nghĩa đen, và ‘**ĐÓ LÀ LỜI CHÚA**’ từ công thức Phụng Vụ thành phủ nhận Thánh Kinh. Nói theo luận lý học là ‘đánh tráo khái niệm’.

Không rõ tại sao người bàn lại dính vào mớ bong bóng này. Suy đoán về lý do riêng của người bàn có thể không chính xác, nhưng rõ ràng là lời bàn có chứa yếu tố của cuộc tranh luận ‘tính không sai lầm của Thánh Kinh’ (Biblical inerrancy) do nhóm Tin Lành ở Hoa Kỳ khởi xướng vào những thập niên 70-80 của thế kỷ trước, và có chút ảnh hưởng tại Việt Nam. Xem https://en.wikipedia.org/wiki/Biblical_inerrancy

BÀN LUẬN DÀI

Lời bàn này có hai phần:

Theo văn cảnh, phần 1: ***‘Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện như mọi thư viện khác cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn’*** có lẽ do một người nào đó trả lời cho người bàn trong một dịp nào đó. Hoặc cũng có thể do người bàn lấy từ một nguồn khác, và cho vào khung cảnh cuộc bàn luận này.

Phần hai là ý kiến riêng của người bàn:

‘Xin thưa Thư viện **Lời Chúa** không thể đồng hóa với thư viện **lời người đời** vì thư viện Lời Chúa là lời hằng sống phải chuyển tải chân lý tinh tuyền để cứu nhân độ

thế. Nếu cũng như thư viện đời thường thì không được tuyên xưng ĐÓ LÀ LỜI CHÚA nữa.'

Rõ ràng người bàn không đồng ý với phần 1. Tuy nhiên, có lẽ người bàn không đủ sức phản bác, nên bèn bàn lùi bằng cách nói tác giả của phần 1 là không nên tuyên xưng 'ĐÓ LÀ LỜI CHÚA' nữa, nhưng dễ thấy là chính người bàn chấp nhận từ bỏ niềm tin vào Thánh Kinh, đành thúc thủ trước ý kiến rằng Thánh Kinh chỉ là một thư viện như bao nhiêu thư viện khác vì Thánh Kinh có khác biệt, có mâu thuẫn.

Thật ra, đọc kỹ cả phần 1 và phần 2 thì sẽ thấy rằng người bàn đã không tin Thánh Kinh ngay từ đầu, nhưng chỉ dùng ý kiến của ai đó trong phần 1 để biện hộ cho ý kiến của mình trong phần 2. Dù nguyên nhân dẫn người bàn đến mức này, hay người bàn có ý đồ gì đi nữa, thì Ban Biên Tập vẫn coi đây là một dịp để trả lời thắc mắc của độc giả, và luôn tôn trọng quyền tự do tin hay không tin của mọi người.

Trước khi đi vào chi tiết của cuộc bàn luận, xin nêu vài điểm nhỏ:

Tuy hai phần khá khác biệt, có thể xem là đối nghịch nhau, nhưng lại có một điểm chung là cách lý luận mập mờ, rồi dẫn đến những kết luận sai trái.

Nếu cách lý luận này chỉ do cảm tính thì có thể thấy rằng những ai có thiện chí, chịu khó tham gia những khoá học hỏi Thánh Kinh do Giáo Hội tổ chức, thì có thể cảm nhận được Lời Chúa yêu thương.

Nếu cách lý luận này do biết nhưng cố tình thì rõ ràng là rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, hình thức ngụy biện (sophism) này không mới, mà đã xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử nhân loại. Xem <https://simple.wikipedia.org/wiki/Sophism> , và <https://en.wikipedia.org/wiki/Sophist>

PHẦN 1: Câu này về cấu trúc có ba phần (a) *Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện* (b) *như mọi thư viện khác* (c) *cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn*.

Những ai đã học môn Triết, đặc biệt phần Luận-lý học, ở bậc trung học trước năm 1975 (hiện nay thường gọi là Logic học), sẽ thấy ba phần của câu này có nét giống như một tam đoạn luận. Xem <https://en.wikipedia.org/wiki/Syllogism> .

Một ví dụ kinh điển của tam đoạn luận:

Tiền đề 1: Tất cả người đều phải chết.

Tiền đề 2: Socrates là người.

Kết luận: Socrates phải chết.

Vậy nếu muốn chặt chẽ về mặt lý luận thì câu '*Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện như mọi thư viện khác cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn*' có thể đổi thành:

Tiền đề 1: Mọi thư viện đều có khác biệt, có mâu thuẫn

Tiền đề 2: Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện

Kết luận: Cho nên Kinh Thánh phải có khác biệt, có mâu thuẫn.

Việc thay đổi cấu trúc này không làm thay đổi nội dung của vấn đề đặt ra, nhưng giúp cho việc theo dõi vấn đề được dễ dàng hơn nhờ theo đúng cấu trúc của tam đoạn luận.

a..Dù viết theo lối cũ của người bàn, hay sắp xếp lại theo tam đoạn luận, nội dung của câu không thay đổi. Trình độ học sinh trung học có thể nhận ra ngay đây là kiểu kết luận không theo tiền đề, hoặc tiền đề mơ hồ. Nói nôm na là ‘nhảy cóc’; nếu vị giáo sư nào chêm tiếng La Tinh vào thì sẽ gọi là ‘Non sequitur’.

Trong tam đoạn luận nói về Socrates thì ‘Tiền đề 1: Tất cả người đều phải chết.’ là một quy luật tất yếu, còn trong tam đoạn luận nói về Thư viện thì ‘Tiền đề 1: Mọi thư viện đều có khác biệt, có mâu thuẫn’ là một ý kiến, có thể đúng có thể sai.

Từ một tiền đề không chắc chắn, chẳng có gì liên quan đến Thánh Kinh trong ‘Tiền đề 1: Mọi thư viện đều có khác biệt, có mâu thuẫn’, mà rút ra kết luận là ‘Kinh Thánh phải có khác biệt, có mâu thuẫn’ là "Râu ông nọ cắm cằm bà kia".

Nếu dựa theo cách viết cũ của người bàn thì vấn đề mơ hồ còn nổi cộm hơn, tuy kết quả cũng không có gì thay đổi:

- Bắt đầu từ một trường hợp mà người ta dễ cho là đúng; trong trường hợp này là (a) Kho tàng Thánh Kinh là một thư viện.
- Rồi đến một câu mơ hồ, không biết đúng hay sai; trong trường hợp này là (b) như mọi thư viện khác.
- Sau đó kết luận (c) cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn.

Không biết câu kết luận ‘cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn’ lấy từ đâu ra. Phải chăng ngầm hiểu là từ ‘mọi thư viện khác’? Quy luật nào cho rằng ‘mọi thư viện đều có khác biệt, có mâu thuẫn’? Đây là một lập luận lập lờ kiểu ‘Non sequitur’ mà trong văn học thì có thể dùng để dẫn độc giả đi lòng vòng, tạo óc tò mò, gây tiếng cười, ... Một ví dụ là tuyển tập ‘Side Effects’, bản dịch tiếng Việt là ‘Lộn tung phèo’, của nhà văn Mỹ Allen Woody. Xem: [https://en.wikipedia.org/wiki/Side_Effects_\(Allen_book\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Side_Effects_(Allen_book)) và <https://sachtaodan.vn/lon-tung-pheo-woody-allen>

b..Ngoài ra, lập luận này cũng đánh tráo khái niệm khi dùng chữ ‘thư viện’ với hai nghĩa khác nhau.

Trong ‘Tiền đề 1: Mọi thư viện đều có khác biệt, có mâu thuẫn’ thì chữ ‘thư viện’ có nghĩa đen thông thường như định nghĩa của từ điển.

Trong ‘Tiền đề 2: Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện’ thì chữ ‘thư viện’ chỉ là một sự ví von, hiểu theo nghĩa bóng.

Học sinh triết học sẽ thấy ngay đây là một dạng lỗi chuyển nghĩa (Fallacy of equivocation). Chữ ‘Thư viện’ trong tiền đề thứ nhất và ‘thư viện’ trong tiền đề thứ hai không hoàn toàn đồng nghĩa. Nếu hai tiền đề dùng cùng một thuật ngữ nhưng với nội hàm khác nhau, thì kết luận, dù có vẻ hợp lệ, cũng không còn đáng tin cậy. Xem https://en.wikipedia.org/wiki/Sophistical_Refutations

Do đó, linh tính của người bàn đã đúng khi không chấp nhận ý kiến '**Kho tàng Kinh Thánh là một thư viện như mọi thư viện khác cho nên phải có khác biệt, có mâu thuẫn**', nhưng người bàn lại mập mờ, dùng điểm sai của ý kiến đó để từ bỏ niềm tin vào Thánh Kinh. Nói ngắn gọn, người bàn đã không tin Thánh Kinh trước, vì cho rằng Thánh Kinh không phù hợp với tiêu chuẩn của mình.

PHẦN 2: Người bàn cũng nói lên quan điểm của mình: “Xin thưa Thư viện Lời Chúa không thể đồng hóa với thư viện lời người đời vì thư viện Lời Chúa là lời hằng sống phải chuyển tải chân lý tinh tuyền để cứu nhân độ thế. Nếu cũng như thư viện đời thường thì không được tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa.”

Thoạt nghe qua thì quan điểm của người bàn có vẻ hay, nhưng thực chất là lời khen giả vờ để chê thật. Nếu chỉ dựa trên tiêu chuẩn Thánh Kinh '**có khác biệt, có mâu thuẫn**' để phủ nhận Thánh Kinh là Lời Thiên Chúa thì thật đáng thương.

Có lẽ không ai ngoài người bàn biết trong tâm hồn mình tại sao lại không muốn tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa. Người bàn có quyền tự do tách ra khỏi khoảng hai tỷ người vẫn còn tin Thánh Kinh là Lời Thiên Chúa. Dân gian có câu đại loại như: *Không mợ thì chợ vẫn đông / Mợ đi lấy chồng thì chợ vẫn vui.*

Người bàn không chỉ hài lòng (hay buồn lòng!) với việc mình không tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa, mà muốn cả những người khác cũng làm như mình. Do đó người bàn nói người ta 'không được' tuyên xưng **ĐÓ LÀ LỜI CHÚA** nữa. Chuyện này dân gian Việt Nam gọi là 'suy bụng ta ra bụng người'. Dùng tâm lý, quan điểm cá nhân để áp đặt lên người khác mà không xem xét thực tế khách quan.

Sau đây là phần phân tích những điểm chính:

a.. LỜI CHÚA hay BẢN VĂN THÁNH KINH (ngôn ngữ Thánh Kinh) có trước?

Rõ ràng người bàn không phân biệt được sự khác biệt giữa LỜI CHÚA và BẢN VĂN THÁNH KINH. Không cần phải là chuyên gia lịch sử hay Thánh Kinh cũng có thể trả lời câu này một cách dễ dàng. Xem:

Gioan 1,1: Lúc khởi nguyên đã có Lời, và Lời ở nơi Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa.

Những người đi lễ tiếng La Tinh trước năm 1965 thì gần như có thể thuộc lòng câu đầu tiên này vì được đọc vào hầu hết các Chúa Nhật

'In principio erat Verbum, et Verbum erat apud Deum, et Deus erat Verbum'

Và câu 14: ***'Et Verbum caro factum est, et habitavit in nobis ...'***
(Lời đã trở nên xác phàm và cư ngụ giữa chúng ta...)

Dù không học lịch sử thì ai cũng đều biết rằng tư tưởng có trước, chữ viết ra đời sau, và hiện nay trên thế giới còn nhiều dân tộc chưa có chữ viết. Xem: <https://en.wikipedia.org/wiki/Writing>

Dù không học Thánh Kinh thì ai cũng đều biết rằng các bản văn Thánh Kinh ra đời rất muộn, và các bản dịch ra tiếng địa phương còn muộn hơn nữa. Hiện nay (2026), số giáo hội có bản dịch chính thức không nhiều. Đa số, kể cả Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, vẫn ‘cho phép dùng’ các bản dịch do những cá nhân hoặc tổ chức không chính thức của giáo hội. Xem: <https://en.wikipedia.org/wiki/Bible>

Như thế LỜI CHÚA vẫn hiện diện và được rao giảng dù có bản dịch Thánh Kinh chính thức hay không. Xem:

Đệ Nhị Luật 3: 11-14:

11 Quả thế, mệnh lệnh tôi truyền cho anh (em) hôm nay đây, không vượt quá sức lực hay ngoài tầm tay anh (em).¹² Mệnh lệnh đó không ở trên trời, khiến anh (em) phải nói: ‘Ai sẽ lên trời lấy xuống cho chúng tôi và nói cho chúng tôi nghe, để chúng tôi đem ra thực hành?’¹³ Mệnh lệnh đó cũng không ở bên kia biển, khiến anh (em) phải nói: ‘Ai sẽ sang bên kia biển lấy về cho chúng tôi và nói cho chúng tôi nghe, để chúng tôi đem ra thực hành?’¹⁴ Thật vậy, lời đó ở rất gần anh (em), ngay trong miệng, trong lòng anh (em), để anh (em) đem ra thực hành.

b..Lời Chúa là lời hằng sống phải chuyển tải chân lý tinh tuyền để cứu nhân độ thế

Nếu chỉ đọc thoáng qua thì sẽ thấy câu này có vẻ đầy niềm tin vào Lời Chúa. Tuy nhiên, chỉ cần đọc lại kỹ một chút thì sẽ thấy câu này nhằm lẫn, do vô ý hay cố tình thì không biết, giữa LỜI (hoàn hảo) và TIẾNG (ngôn ngữ nhân loại - bất toàn). Mấu chốt nằm ở chữ ‘chuyển tải’.

Nói một cách chính xác: LỜI CHÚA là sự sống chứ không ‘chuyển tải’, vì. Chuyển tải là công việc của ngôn ngữ, của việc rao giảng

Xem Gioan 6, 60-69

Khi ấy, có nhiều môn đệ của Chúa Giêsu nói rằng: “Lời này chói tai quá! Ai nghe được!” Tự biết rằng các môn đệ đang lẩm bẩm về chuyện ấy, Chúa Giêsu nói với họ: “Điều đó làm các người khó chịu ư? Vậy nếu các người thấy Con Người lên nơi đã ở trước thì sao? Chính thần trí mới làm cho sống, chứ xác thịt nào có ích gì? Nhưng lời Ta nói với các người là thần trí và là sự sống. Nhưng trong các người có một số không tin”. Vì từ đầu Chúa Giêsu đã biết ai là những kẻ không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người. Và Người nói: “Bởi đó, Ta bảo các người rằng: Không ai có thể đến với Ta, nếu không được Cha Ta ban cho”. Từ bấy giờ có nhiều môn đệ rút lui không còn theo Người nữa. Chúa Giêsu liền nói với nhóm Mười Hai rằng: “Cả các con, các con có muốn bỏ đi không?” Simon Phêrô thưa Người: “Lạy Thầy, chúng con sẽ đi theo ai? Thầy mới có những lời ban sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con tin và chúng con biết rằng: Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa”.

Trong cuộc sống, con cái phải vâng lời cha mẹ, nhưng không có nghĩa là con cái có thể nhớ chính xác từng chữ (cách nói) mà cha mẹ dùng. Nhớ chính xác từng chữ thì tốt, nhưng không phải lúc nào cũng nên nhớ (chữ cha mẹ dùng lúc nóng giận!). Tuy nhiên, LỜI (tinh thần) cha mẹ dạy thì con cái có bổn phận phải ghi nhớ.

Nói “Lời Chúa là lời hằng sống phải chuyển tải chân lý tinh tuyền để cứu nhân độ thế” là không phân biệt “Lời Chúa” là thần trí và là sự sống với “ngôn ngữ Thánh Kinh” như phương tiện diễn đạt mang tính lịch sử, văn hóa. Khi không phân biệt rõ hai phạm trù này, như hồn với xác, người ta dễ đồng nhất chân lý thiêng liêng với chính hình thức ngôn từ hạn hẹp đã được dùng để chuyển tải nó.

Trước hết, “Lời Chúa” trong truyền thống tôn giáo thường được hiểu là chân lý sống động, vượt lên trên thời gian, không gian và mọi giới hạn của ngôn ngữ con người. Đó là một thực tại mang tính tinh thần, được cảm nhận qua đức tin, kinh nghiệm nội tâm và đời sống đạo. Nếu hiểu theo nghĩa này, “Lời Chúa” không đơn thuần là những câu chữ được ghi lại trong sách thánh, mà là nguồn mạch ý nghĩa, là lời mời gọi con người hướng về điều thiện, điều thật và điều thánh. Nó không bị trói buộc vào một ngôn ngữ cụ thể, một cách diễn đạt cụ thể hay một thời đại cụ thể.

Trong khi đó, ngôn ngữ Thánh Kinh lại là sản phẩm của lịch sử. Những bản văn thánh được viết bằng các ngôn ngữ cổ, phản ánh bối cảnh văn hóa, tư duy và thế giới quan của con người ở những thời kỳ khác nhau. Chúng dùng hình ảnh, ẩn dụ, cách nói và lối diễn đạt phù hợp với cộng đồng thời bấy giờ. Vì thế, ngôn ngữ ấy không thể được xem như chính chân lý tuyệt đối, mà chỉ là phương tiện để chuyển tải chân lý. Thánh Phaolô dùng hình ảnh “bình sành chứa kho báu” trong thư 2 Côrinthô 4,7, tượng trưng cho yếu tố nhân loại (bình sành) chứa đựng Lời Chúa (kho báu).

Câu nói “Lời Chúa phải chuyển tải chân lý tinh tuyền” có thể tạo ảo giác rằng chân lý chỉ tồn tại nguyên vẹn trong từng câu chữ cụ thể của Thánh Kinh. Điều này sẽ dẫn đến cách hiểu cứng nhắc, cho rằng mọi yếu tố ngôn từ đều mang tính tuyệt đối và bất biến. Thực ra, chân lý tinh thần có thể được diễn đạt qua nhiều cách khác nhau, trong nhiều nền văn hóa khác nhau. Cái “tinh tuyền” nằm ở ý nghĩa cốt lõi, chứ không nằm ở từng cấu trúc ngữ pháp hay hình thức biểu đạt.

Sự phân biệt này đặc biệt quan trọng trong việc diễn giải và tiếp nhận Thánh Kinh ngày nay. Nếu xem ngôn ngữ Thánh Kinh chỉ là phương tiện, ta có thể hiểu rằng con người cần học hỏi với tinh thần tìm kiếm ý nghĩa sâu xa, thay vì bám chặt vào từng câu chữ. Khi ấy, việc diễn giải trở thành một hành trình sống động, nơi con người đối thoại với văn bản, với truyền thống và với chính đời sống của mình. “Lời hằng sống” vì thế không bị đóng khung trong quá khứ, mà tiếp tục vang vọng trong hiện tại.

Nói cách khác, “Lời Chúa” là thực tại tinh thần mang tính vĩnh cửu, còn ngôn ngữ Thánh Kinh là chiếc cầu nối hữu hạn do con người dựng nên để chạm đến thực tại ấy. Nhầm lẫn giữa hai điều này có thể dẫn đến việc tôn thờ phương tiện thay vì tìm đến mục đích. Khi hiểu đúng mối quan hệ này, ta có thể trân trọng ngôn ngữ Thánh Kinh như một di sản quý giá, đồng thời vẫn ý thức rằng chân lý mà nó hướng tới luôn rộng lớn hơn bất kỳ hình thức diễn đạt nào.

Trong Ga 5,39–40, Chúa Giêsu nói với những người thông thạo Kinh Thánh: họ chăm chỉ tra cứu Sách Thánh vì nghĩ rằng trong đó có sự sống đời đời, nhưng lại không nhận ra chính Đấng mà Sách Thánh làm chứng.

Thánh Phaolô cũng nói: “Chữ thì giết chết, còn Thần Khí mới ban sự sống.” (2 Cr 3,6). Tất nhiên, ngài không phủ nhận giá trị của Kinh Thánh hay lề luật, nhưng cảnh báo rằng việc bám chặt vào “chữ” theo nghĩa hình thức, luật lệ máy móc, có thể làm con

người khô cứng và xa rời ý nghĩa cứu độ. Điều đem lại sự sống là Thần Khí, tức là ý nghĩa sâu xa và tinh thần bên trong của Lời mặc khải.

Giáo hội cũng đã đề cập đến những điều này trong Hiến chế Tín lý về Mạc Khải *Dei Verbum*. Những ai biết ngoại ngữ đã có thể đọc văn kiện này ngay từ khi được ban hành ngày 18.11.1965. Còn những người chỉ đọc tiếng Việt thì đã có bản dịch do Giáo Hoàng Học Viện Piô X thực hiện từ năm 1972 — đến nay cũng đã hơn nửa thế kỷ. Xin trích một đoạn ngắn:

‘Tuy nhiên, vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ con người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy, nên để thấy rõ điều chính Ngài muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thật sự có ý diễn đạt và điều Thiên Chúa muốn bày tỏ qua lời lẽ của các ngài.

Để tìm ra chủ ý của các thánh sử, giữa những phương pháp khác nhau, cũng cần phải chú ý đến “văn thể”, vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau, như thể văn lịch sử, ngôn sứ, thi phú hoặc những cách diễn đạt khác; hơn nữa, nhà chú giải cũng cần phải tìm hiểu ý nghĩa mà thánh sử muốn diễn tả và thật sự đã diễn tả trong những trường hợp rõ rệt, trong hoàn cảnh thời đại và văn hóa của các ngài, qua các lối hành văn được dùng trong thời đó. Thật vậy, để hiểu đúng ý nghĩa tác giả thánh muốn khẳng định trong bản văn, chúng ta phải chú tâm đúng mức đến những cách thức cảm nhận, nói năng hoặc tường thuật của người bản xứ, thường được dùng vào thời đại của thánh sử, cũng như các cách thức mà người thời ấy quen dùng khi giao tế với nhau. (DV 12)

Gần đây hơn vào năm 2008, Đức Giáo Hoàng Benedict XVI cũng viết Tông Huấn ‘Lời Chúa’. Những bản văn này hiện nay có sẵn trên mạng lưới điện toán toàn cầu. Ví dụ: www.tonggiaophanhanoi.org/tong-huan-loi-chua-dei-verbum/

c. LỜI CHÚA có khác biệt, có mâu thuẫn, hay là BẢN VĂN (ngôn ngữ) có khác biệt, có mâu thuẫn ?

Có hai ý chính trong phần này: LỜI (chính Chúa Giêsu) không có khác biệt hay mâu thuẫn; Thánh Kinh (ghi chép về Chúa Giêsu) có khác biệt nhưng không có mâu thuẫn.

Toàn bộ sứ điệp mà Thiên Chúa trao cho nhân loại chính là Chúa Giêsu. Ngài chính là LỜI CỦA THIÊN CHÚA. Do đó, LỜI CHÚA không có khác biệt, không có mâu thuẫn.

‘Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử. Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật muôn loài. Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa.’ (Dt 1, 1-3)

Để nhân loại có thể hiểu được rằng ‘Thiên Chúa là Tình Yêu’ (1 Gioan 4:16), Ngôi Lời đã làm người và cư ngụ giữa chúng ta (Ga 1,14). Ngài cũng phải lẫn tránh khi bị hăm dọa bách hại (Mt 2,13), cũng đói (Lc 4,2), cũng khát (Ga 19,28), cũng khóc thương người thân (Ga 11,35) và quê hương dân tộc của Ngài (Lc 19,41), và rồi chết một cách đau khổ (Ga 19, 30-37). Nghĩa là Ngôi Lời đã sống trọn vẹn kiếp người như chúng ta. Do đó, Thánh Kinh viết về Người cũng là ngôn ngữ thực sự của nhân loại.

“Thật vậy, Lời Thiên Chúa, được diễn tả bằng ngôn ngữ loài người, đã trở nên giống như lời nói của loài người, cũng như xưa kia Ngôi Lời của Chúa Cha hằng hữu, khi mặc lấy thân xác yếu hèn của con người, đã trở nên giống như loài người.” (DV 13)

Tùy theo mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi nền văn hóa, v.v... mà LỜI CHÚA là Lời hằng sống được rao giảng và viết xuống bằng TIẾNG (ngôn ngữ) khác nhau của loài người. Cho nên Thánh Kinh có rất nhiều sự khác biệt, nhưng không có mâu thuẫn vì chỉ loan truyền MỘT sứ điệp là Thiên Chúa yêu thương nhân loại trong Đức Giêsu Kitô. Kinh Thánh chỉ mâu thuẫn nếu vừa nói rằng ‘Thiên Chúa yêu thương nhân loại, muốn cứu nhân loại’, lại vừa nói rằng ‘Thiên Chúa không yêu nhân loại, không muốn cứu nhân loại’. Tất nhiên, không bao giờ, và không ai có thể tìm thấy mâu thuẫn này trong toàn bộ Thánh Kinh.

Tuy nhiên, người bàn không hiểu chữ ‘mâu thuẫn’ theo nghĩa logic, mà hiểu theo nghĩa là khác biệt. Thử xem vài ví dụ:

Ví dụ 1: Người bàn cho rằng có mâu thuẫn giữa ‘đồng ý’ và trốn thoát’.

CÂU HỎI: Khi ra khỏi Ai Cập, người Israel được giải phóng khỏi tình trạng nô lệ **với sự đồng ý của Pharaon** (Xh 13, 17: “*Khi Pharaon thả cho dân đi, Thiên Chúa không dẫn họ theo ngả đường xuyên qua xứ Philitinh, dù đường đó gần hơn, vì Thiên Chúa nói: “Khi thấy phải chiến đấu, dân có thể hối hận mà quay về Ai Cập”*) hay **họ trốn thoát** (Xh 14, 5): “*Có tin báo cho vua Ai Cập là dân đã chạy trốn rồi*”.

TRẢ LỜI: Khi đọc kỹ bản văn sẽ thấy Pharaon liên tục thay đổi ý kiến (Lần 1: Xh 8,8 và 8,15; Lần 2: Xh 8,28 và 8,32; Lần 3: Xh 9, 28 và 9,35; Lần 4: Xh 10,7-11 và 10,20). Câu hỏi chỉ tập trung vào lần thứ 5 khi Pharaon đành đồng ý cho dân Israel ra đi (Xh 13,17), và chỉ trích phần đầu của Xh 14,5, tập trung vào chữ ‘chạy trốn’ để cho rằng Thánh Kinh ‘mâu thuẫn’, mà không trích trọn câu cho thấy rằng Pharaon đã thay đổi ý kiến như những lần trước và đã ra lệnh cho quân truy đuổi (Xh 14,5-9). Đây không hiểu là do đọc vội vàng rồi cho rằng Thánh Kinh ‘mâu thuẫn’, hoặc thậm chí không đọc mà chỉ lấy ý kiến này từ đâu đó, hay có đọc nhưng cố tình xoáy vào một chi tiết nhỏ để khái quát hóa ?

Ví dụ 2: Người bàn cho rằng có mâu thuẫn giữa Thánh Kinh và khoa học.

CÂU HỎI: Ngôi sao gần trái đất nhất là mặt trời, không thể có một ngôi sao khác ngoài thái dương hệ xa trái đất hàng ngàn quang niên mà lại có thể gần và "dừng lại nơi con trẻ ở" (Mt 1 :9) để dẫn đường cho ba vua vì như thế trái đất sẽ cháy thành than! Việc này chỉ có thể xảy ra với một bóng đèn pha sân khấu (spotlight) mà thôi. Nghe thần thoại quá!

TRẢ LỜI: Mâu thuẫn này xuất phát từ chuyện người bàn hiểu chữ ‘ngôi sao’ theo nghĩa của thiên văn học, chứ không theo nghĩa thần học của Thánh Kinh. Chữ ‘ngôi sao’ là một hình ảnh quen thuộc trong đời sống và văn hóa của nhiều dân tộc. Nó gần gũi với con người qua các biểu tượng như trên các lá cờ, cầu vai của các chiến sĩ, và trong văn học: ‘Tôi sinh ra đời dưới trời một ngôi sao xấu.’ (*Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng). Yếu tố dễ nhận thấy là trong dịp mừng lễ Giáng Sinh người ta làm ngôi sao có cánh, chứ không làm hình dáng một tinh cầu theo cách hiểu của người bàn.

Do đó, bản văn Thánh Kinh không có mâu thuẫn, mà chỉ có khác biệt. Lý do ?

Kinh Thánh là một tập hợp 73 sách, được rao giảng và viết xuống bằng ít nhất ba ngôn ngữ: Hebrew, Aram, và Hy Lạp trong hơn một thiên niên kỷ, bởi nhiều tác giả khác nhau, trong những bối cảnh lịch sử, văn hóa, chính trị, tôn giáo rất khác nhau, với nhiều thể loại văn chương: luật pháp, thơ ca, khôn ngoan, ngôn sứ, tường thuật lịch sử, dụ ngôn, thư tín ... thì đương nhiên có sự khác biệt. Không ai có thể bắt một bài văn xuôi và một bài văn vần phải giống nhau như đúc, phải không có sự khác biệt, dù hai bài đều nói về chủ đề tình yêu.

Một ví dụ là hãy nói hai trẻ sinh đôi cùng trứng viết bài văn tả mẹ ruột của mình xem hai bài có giống nhau không. Nếu hai bài giống hệt nhau thì ai cũng sẽ nghi ngờ là có sự quay cóp. Nếu hai bài có khác nhau về chi tiết thì cũng không thể kết luận là hai trẻ không yêu mẹ mình, mô tả sai về mẹ mình. LỜI của hai trẻ về mẹ mình chắc chắn là đầy yêu thương, nhưng CHỮ (câu văn) hai trẻ viết thì chắc chắn có sự khác biệt. Giả sử vì hoàn cảnh hai trẻ bị phân ly, một ở Việt Nam, một ở Pháp. Rồi nửa thế kỷ sau đó hai trẻ giờ đây đã trưởng thành, một trở thành nhà văn ở Việt Nam, một trở thành một người thành đạt ở Pháp, mỗi người viết một số bài thơ, điệu văn, bản nhạc, v.v... để tưởng niệm về người mẹ quá cố của mình, bằng cả tiếng Pháp và tiếng Việt. Nếu các bài đó không có sự khác biệt thì quả là chuyện không tưởng. Ai cũng biết dù có khác biệt về ngôn ngữ, lối hành văn, thể loại, và một số chi tiết, v.v... nhưng không ai có thể nói rằng đó không phải là LỜI yêu thương của hai người con đối với mẹ mình.

d..Nếu cũng như thư viện đòi thường thì không được tuyên xưng ĐÓ LÀ LỜI CHÚA nữa.'

Về phương diện lý luận, mệnh đề điều kiện 'Nếu cũng như thư viện đòi thường' dựa trên hai ý nghĩa khác nhau (nghĩa bóng và nghĩa đen) của chữ 'thư viện' nên không thể so sánh được (tương tự như trường hợp ngôi sao của thiên văn và ngôi sao của Thánh Kinh/văn học).

Vì mệnh đề phụ 'Nếu cũng như thư viện đòi thường' sai nên mệnh đề chính 'thì không được tuyên xưng ĐÓ LÀ LỜI CHÚA nữa' cũng đương nhiên là sai.

Tuy nhiên, Ban Biên Tập cũng nhân cơ hội này để giải thích thêm về câu 'ĐÓ LÀ LỜI CHÚA'.

- Trong Thánh Kinh:

Từ 'Lời Chúa' là một công thức quen thuộc trong Kinh Thánh, chỉ sự mạc khải trực tiếp từ Thiên Chúa dành cho một nhà tiên tri hoặc một cá nhân, xuất hiện rất nhiều lần từ Sáng Thế Ký (vd. 15,1) đến cuốn cuối cùng là sách Malakhi (vd. 1,1). Từ này biểu thị sự truyền đạt có thẩm quyền từ Thiên Chúa, thường mang đến những chỉ dẫn cụ thể, những lời cảnh báo về sự phán xét, hoặc những lời hứa về sự phục hồi cho những người đón nhận.

Cách nói nguyên văn kiểu công thức "Lời Chúa phán đến..." hầu như là đặc trưng của Cựu Ước, đặc biệt trong các sách tiên tri.

Trong Tân Ước, cách diễn đạt này không còn xuất hiện theo đúng dạng công thức đó như trước. Tuy nhiên, ý tưởng về việc Thiên Chúa trực tiếp bày tỏ lời của Ngài vẫn có, nhưng được thể hiện theo những cách khác, chẳng hạn:

- “Lời Chúa đến với Gioan” (Lu-ca 3:2) – đây là trường hợp hiếm hoi trong Tân Ước dùng cấu trúc gần giống kiểu Cựu Ước.
- Cách nói “Lời Chúa” được loan truyền, lớn lên, lan rộng trong sách Công Vụ (vd. 6:7; 12:24; 19:20), nhấn mạnh việc rao giảng hơn là mặc khải cá nhân kiểu tiên tri.

Tóm lại:

- Công thức cổ điển “Lời Chúa phán đến...” là dấu ấn văn phong của thời các tiên tri trong Cựu Ước.
- Tân Ước chuyển trọng tâm từ lời mặc khải đến từng tiên tri riêng lẻ sang việc Thiên Chúa phán qua Chúa Giêsu và qua việc rao giảng Tin Mừng.

Như thế, cách công bố ‘Lời Chúa’ của Cựu Ước chính là cơ sở cho lời tung hô ‘Lời Chúa’ trong phụng vụ Công Giáo. Một số ngôn ngữ, như tiếng Việt chẳng hạn, thêm chữ ‘Đó là’ vì lý do văn phong.

Nếu người bàn chỉ bất đồng ý kiến với người ‘bạn’ của mình và nói giữa hai người với nhau ‘không được tuyên xưng ĐÓ LÀ LỜI CHÚA nữa’ thì chỉ là vấn đề cá nhân. Tuy nhiên, người bàn đã gửi cho Ban Biên Tập, và có lẽ cho nhiều nơi khác nữa, nghĩa là muốn cho câu ‘không được tuyên xưng ĐÓ LÀ LỜI CHÚA nữa’ của mình được bàn dân thiên hạ biết đến. Nếu không bàn luận ý kiến này thì mang tiếng là ‘ngậm miệng ăn tiền’, mà nếu bàn thì xin hỏi người bàn có ý thức được rằng khi nói như thế là người bàn đã phủ nhận truyền thống của chính Thánh Kinh không? Cựu Ước không chỉ là Thánh Kinh của Do Thái Giáo, mà còn là của thế giới Kitô Giáo nữa. Người bàn có toàn quyền tự do tin hay không tin, có toàn quyền tự do ngôn luận, nhưng mang ý kiến riêng của mình đi khuyên thiên hạ ‘không được tuyên xưng ĐÓ LÀ LỜI CHÚA nữa’ thì có phải là **‘LỜI BÀN CỦA GIÁO DÂN KHÁT KHAO CHÂN LÝ’** trong tâm tình khiêm tốn học hỏi không?

- Trong Phụng Vụ:

Lời tung hô phụng vụ “Đó là Lời Chúa” trong Việt ngữ, dịch từ tiếng La Tinh Verbum Domini (Lời Chúa), không phải là một sáng tác mới, mà có nguồn gốc lâu đời trong truyền thống phụng vụ Rôma.

Tuy nhiên, thánh Giáo hoàng Piô V đã hệ thống hóa và thiết lập Thánh Lễ theo nghi thức Tridentine vào năm 1570 để đáp lại lời thỉnh cầu của Công đồng Trentô (1545–1563), đã không dùng lời tung hô này vì nhiều lý do như:

- Các bài đọc được xem là một phần của lời cầu nguyện do hàng giáo sĩ cử hành, không phải là cuộc đối thoại giữa người đọc và cộng đoàn như ngày nay.

- Nhiều phần của Thánh lễ được đọc nhỏ (*submissa voce*), và giáo dân thường không theo trực tiếp bằng sách.
- Trọng tâm khi ấy là hành vi tế lễ, chứ chưa nhấn mạnh đến phụng vụ Lời Chúa như một phần đối thoại.

Sau Công đồng Vatican II, phụng vụ được canh tân với các điểm nhấn mới:

- Phục hồi tầm quan trọng của Phụng vụ Lời Chúa như một phần song song với Phụng vụ Thánh Thể.
- Khuyến khích cộng đoàn tham dự chủ động bằng việc lắng nghe và đáp lại.
- Vì thế, công thức “Đó là Lời Chúa” được đặt rõ ràng sau mỗi bài đọc.

Công thức này có ba tầng ý nghĩa:

- Trở về nguồn Thánh Kinh: không chỉ là ‘đọc’, mà là chính Chúa đang nói.
- Đánh dấu một hành vi phụng vụ: chuyển từ lắng nghe sang đáp trả.
- Cộng đoàn đáp “Tạ ơn Chúa” như một đáp trả đức tin trước mặt khai vừa nghe.

Tuy nhiên, câu ‘Đó là Lời Chúa’ chỉ được dùng hạn chế khi công bố các bài đọc chính, còn các lời ca nguyện như Ca Nhập Lễ, Thánh Vịnh, Tung hô trước Tin Mừng, Ca Chịu Lễ, v.v... thì dù có trích từ Thánh Kinh cũng không có câu ‘Đó là Lời Chúa’.

Khi tung hô ‘Đó là Lời Chúa’ là tung hô sứ điệp mạc khải, chứ không phải bản văn với ngôn ngữ, văn phong, thể loại, v.v... Cho nên, dù bài đọc kể lại tội lỗi tày trời của loài người, hay bài Phúc Âm kể lại chuyện ma quỷ cám dỗ, v.v..., thì sứ điệp Lời Chúa vẫn không thay đổi.

Như vậy, ‘Đó là Lời Chúa’ là một công thức Phụng Vụ được dùng khi Lời Chúa được công bố cách xứng hợp theo truyền thống Rôma, chứ không phổ biến trong các truyền thống khác. Do đó, Thánh Lễ theo nghi thức Tridentine cũng không dùng câu ‘Đó là Lời Chúa’ vì Thánh Lễ Tridentine có hai phần: phần Phụng Vụ Dự Tòng (*Missa Catechumenorum*) và phần Phụng Vụ Tín Hữu (*Missa Fidelium*), chứ không gọi là Phụng Vụ Lời Chúa và Phụng Vụ Thánh Thể như Thánh lễ hiện nay.

Người bàn đã nhầm lẫn nếu do không biết, hoặc đánh tráo khái niệm nếu biết nhưng cố tình, giữa một công thức Phụng Vụ ‘Đó là Lời Chúa’, và niềm tin vào Thánh Kinh. Thánh Lễ theo nghi thức Tridentine dù không nói ‘Đó là Lời Chúa’ nhưng niềm tin vào Thánh Kinh không hề thay đổi. Các truyền thống Kitô giáo khác như Chính Thống Giáo, Coptic, Syro Malabar, Tin Lành, v.v... dù không nói ‘Đó là Lời Chúa’ nhưng không thể nói rằng họ không có niềm tin vào Thánh Kinh. Người bàn có thể đi dự lễ theo nghi thức Tridentine nếu dị ứng với công thức Phụng Vụ ‘Đó là Lời Chúa’, nhưng niềm tin vào Thánh Kinh của người bàn mới là chuyện đáng nói.

KẾT LUẬN:

Xin phép Linh Mục Rôcô Nguyễn Duy cho dùng bài ‘Lắng nghe Lời Chúa’ trong phần kết luận.

1. Xin cho con biết lắng nghe Lời Ngài gọi con trong đêm tối. Xin cho con biết lắng nghe Lời Ngài dạy con lúc lẻ loi. Xin cho con cất tiếng lên trả lời và vâng theo ý Chúa. Xin cho con biết thân thưa: 'Lạy Ngài, Ngài muốn con làm chi ?'

ĐK: Lời Ngài là sức sống của con. Lời Ngài là ánh sáng đời con. Lời Ngài là chứa chan hy vọng, là đường để con hằng dõi bước. Lời Ngài đượm chất ngọt niềm vui, trọn vẹn ngàn tiếng hát đầy vơi. Lời Ngài đổi mới cho cuộc đời. Lời Ngài hạnh phúc cho trần ai.

2. Xin cho con biết lắng nghe Lời Ngài dạy con trong cuộc sống. Xin cho con biết lắng nghe Lời Ngài từng theo bước đời con. Xin cho con biết sẵn sàng chờ đợi và vâng nghe theo Chúa. Xin cho con biết sẵn sàng thực hành Lời Chúa đã truyền ban.

3. Xin cho con vững bước đi vào đời truyền rao cho Chân Lý. Xin cho con biết say mê cuộc đời làm nhân chứng tình yêu. Cho môi con thắm nét cười, Lời Ngài được đem cho thế giới. Cho đôi tay sáng ơn trời, trọn vẹn hành lý cho ngày mai.

4. Xin cho đến với Người bằng một tình yêu không giả dối. Xin cho con đến trong đời tìm lại nguồn hạnh phúc mà thôi. Cho con khi đã lắng nghe Lời Ngài dạy con ôi cao quý. Xin cho con trái tim si ngán đời tình mến không nhạt phai.

Lm JOHN MINH